

Bản án số: 148/2019/HS-PT

Ngày: 13-9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sang;

Thẩm phán thành viên: Ông Nguyễn Huỳnh Đức;

Ông Trần Văn Luông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 09 và 13 tháng 09 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 135/2019/TLPT-HS ngày 08 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo Phạm Th. Do có kháng cáo của bị cáo Phạm Th đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 148/2019/HS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Th (tên gọi khác: Th A), sinh năm 1991, tại tỉnh Nghệ An; thường trú: Xóm T, xã S, huyện A, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Q, sinh năm 1955 và con bà Đặng Đ, sinh năm 1957; bị cáo có vợ tên Trần Ch, sinh năm 1991 và 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 15/9/2018 đến ngày 17/10/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giam và thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Th: Bà Hứa Th – Luật sư Văn phòng Luật sư Ph, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có 03 bị cáo khác, 02 bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Th là chủ quán cà phê Th. A địa chỉ số 4A khu phố B. Đ, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Nguyễn V, Trần D là nhân viên của quán cà phê Th. A, Phan M là bạn Phạm Th. Khoảng tháng 12/2017, Hồ H vay Phạm Th số tiền 15.000.000 đồng, Th đòi H nhiều lần nhưng H không trả được và khất nợ. Th đã có hành vi buộc H và vợ H là Diễm K phải trả nợ như sau:

Lần 1: Sáng ngày 04/7/2018, Th biết ông H, bà K đi lấy tiền dịch vụ bảo vệ tại khu nhà trọ thuộc đường số 6 phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Th rủ ông Viêt V là chủ quán cà phê C địa chỉ 27A đường Nguyễn Tr. P, khu phố B. Đ, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương đi công việc với Th. Sau đó Th, Viêt V đến quán cà phê HP. L đường số 6 phường H, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh gặp ông H, bà K. Th nói với Viêt V “vào quán uống nước chờ”, Th đi đến chỗ ông H, bà K dùng tay tát vào mặt, dùng chân đá vào bụng ông H yêu cầu ông H trả tiền nợ, H nói “đang chờ lấy tiền rồi sẽ trả nợ”. Sau đó bà K lấy được 10.000.000 đồng tiền dịch vụ bảo vệ đưa cho Th, Th cầm 9.500.000 đồng và đưa lại cho K 500.000 đồng tiền đồ xăng. Th tiếp tục đòi số nợ còn lại. Ông H, bà K nói “khoảng cuối tháng 7/2018 sẽ trả” Th không đồng ý, tiếp tục dùng tay chân đánh ông H, yêu cầu ông H về quán cà phê C viết giấy vay nợ tiền. Ông H, bà K đi theo Th về quán cà phê C, Th lấy giấy yêu cầu ông H viết giấy nợ Th số tiền 38.000.000 đồng và nói “nếu không có tiền trả thì chuyển nhượng công ty dịch vụ bảo vệ Đ. Th .L do bà K đứng tên sang cho Th để trừ tiền nợ. Khi ông H viết xong, Th yêu cầu H, K ký vào giấy vay tiền.

Khoảng 08 giờ ngày 20/8/2018, Th biết ông H đang làm bảo vệ cho quán cà phê V. V địa chỉ số 3 đường E, phường B, quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh, Th rủ Phan M đi xuống quán cà phê V.V tìm ông H đòi nợ. Th đón xe ôm Grap đi trước, Phan M mượn xe mô tô kiểu dáng Atila không rõ biển số của bạn không rõ lai lịch đến chỗ ông H. Khi đến Th xuống xe dùng tay tát ông H hai cái vào mặt, Phan M đến tát ông H một cái vào mặt. Th đòi tiền ông H, ông H trả lời “chưa có tiền trả” Th nắm cổ áo ông H lôi lên xe mô tô Atila nói Phan M “chờ thằng này về”. Phan M điều khiển xe, Th ngồi sau để giữ ông H ngồi giữa chở về quán cà phê Th.A. Tại quán cà phê, Th dùng tay tát ông H nhiều cái và nói với Phan M “mày canh coi thằng này để lấy tiền”, Th điện thoại cho bà K với nội dung là Th đang giữ ông H, yêu cầu bà K mang tiền xuống trả hoặc xuống làm thủ tục chuyển nhượng công ty dịch vụ bảo vệ cho Th thì H mới được về. Khoảng 17 giờ cùng ngày bà K đến quán cà phê Th. A cùng với Th đi làm thủ tục giấy tờ chuyển nhượng công ty cho Th nhưng không làm được, bà K đi về nhà, Th đi về quán cà phê Th. A cùng Phan M tiếp tục giữ ông H, trong khi giữ ông H, Phan M về nhà trọ ngủ để cho Th giữ H, sáng ngày 21/8/2018, Phan M đến quán cà phê Th. A canh giữ ông H. Đến khoảng 08 giờ ngày 21/8/2018 bà K đến quán cà phê Th. A đi làm giấy tờ với Th nhưng không làm được, bà K về nhà. Còn Th về quán cà phê đến khoảng 10 giờ cùng ngày Th chở ông H đến quán cà phê C uống cà phê, khi uống cà phê ông H xin Th về nhà để làm đám giỗ bên nhà vợ, Th cho H về.

Lần 2: Khoảng 08 giờ ngày 14/9/2018, bà K hẹn bị cáo Th đi đến chi cục thuế Quận T, thành phố Hồ Chí Minh làm thủ tục chuyển nhượng giấy phép kinh doanh công ty từ bà K qua Th nhưng được hẹn tuần sau lên bổ sung thủ tục giấy tờ, bà K và Th về quán cà phê C để K lấy xe mô tô về nhà. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày tại quán cà phê C, Th không cho bà K lấy xe về yêu cầu bà K phải ở lại cho đến khi nào làm xong giấy tờ chuyển nhượng mới được về. Th nói Nguyễn V đang ngồi cùng với Th biết vợ chồng bà K nợ tiền, nói V “điều khiển xe mô tô kiểu dáng Cup 50 biển số 47AB - 347.53 của bà K chở K về quán cà phê Th. A yêu cầu trả tiền”. Sau đó Nguyễn V chở bà K đến quán cà phê Th. A, Th điều khiển xe mô tô đi phía sau.

Tại quán cà phê Th. A, Th yêu cầu bà Kiều điện thoại ông H mang tiền đến trả nợ thì mới cho bà K. về, đến khoảng 20 giờ 30 cùng ngày Th nói với Trần D, Nguyễn V “canh giữ không cho bà K về để chờ lấy tiền nợ từ ông H”. Sau đó Th điện thoại cho ông H nói “mang số tiền 55.000.000 đồng đến trả nợ hoặc chờ đến thứ 2 làm xong thủ tục thì bà K mới được về nhà”, ông H trả lời “chỉ lo được 10.000.000 đồng đưa trước cho Th để cho bà K về rồi hôm sau lên làm giấy tờ tính tiếp” Th nói “được”. Trong thời gian từ 16 giờ ngày 14/9/2018 đến 17 giờ ngày 15/9/2018 Nguyễn V, Trần D và Th thay nhau giữ bà K tại quán cà phê Th. A. Chiều tối ngày 15/9/2018, bà K không được về, ông H đến Công an phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương trình báo. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, ông H đón xe ôm Grap đến quán cà phê Th. A mang theo 10.000.000 đồng đưa cho Th để xin cho bà K về, khi Th nhận tiền từ H bị Công an thị xã D lập biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang đối với Th, Nguyễn V, sau đó Trần D đến Công an phường A đầu thú.

Vật chứng thu giữ: 10.000.000 đồng; 01 tờ giấy vay tiền đề ngày 04/7/2018; 01 điện thoại Oppo màu đỏ sim số 0971879679 của Th.

Vật chứng trả lại ông Hồ H, bà Diễm K số tiền 10.000.000 đồng.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 148/2019/HS-ST ngày 28/5/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Th phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

1.1 Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 157, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Th 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

1.2 Căn cứ khoản 1 Điều 170, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Phạm Th 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo Phạm Th phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 03 (ba) năm 08 (tám) tháng tù, thời gian

chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 15/9/2018 đến ngày 17/10/2018.

Bản án sơ thẩm còn tuyên bị cáo Phan M 01 (một) năm tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”; Trần D 08 (tám) tháng tù và Nguyễn V 09 (chín) tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 10/6/2019, bị cáo Phạm Th kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo thay đổi một phần nội dung kháng cáo, bị cáo kháng cáo kêu oan đối với tội danh “Cưỡng đoạt tài sản”.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Về thời hạn kháng cáo, đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Th đúng theo thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đưa vụ án ra xem xét theo thủ tục phúc thẩm là đúng theo thẩm quyền và quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị cáo thay đổi một phần nội dung kháng cáo. Bị cáo đồng ý với tội danh “Bắt, giữ người trái pháp luật” và xin giảm nhẹ hình phạt; đối với tội danh “Cưỡng đoạt tài sản” bị cáo cho rằng bị cáo không phạm tội. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai các bị cáo Nguyễn V, Trần D, Phan M, lời khai người bị hại Hồ H, Diễm K cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ kết luận: Hành vi của bị cáo đã hội đủ các yếu tố cấu thành các tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo điểm d khoản 2 Điều 157 và tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về các tội danh nêu trên là có căn cứ đúng pháp luật, khi lượng hình cũng đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quyết định xử phạt bị cáo mức án 03 năm 08 tháng tù với hai tội là không nặng. Do đó, kháng cáo của bị cáo không có căn cứ xem xét, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An.

Người bào chữa cho bị cáo có ý kiến tranh luận: Thống nhất về tội danh “Bắt, giữ người trái pháp luật” như Viện kiểm sát nhận định, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì hiện tại gia đình bị cáo rất khó khăn, bị cáo đã ly hôn và đang nuôi con nhỏ. Còn đối với tội danh “Cưỡng đoạt tài sản” người bào chữa cho rằng, việc bị cáo giữ người đã bị khởi tố về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, bị cáo không có mục đích chiếm đoạt tiền của bị hại, chỉ nhằm mục đích đòi tiền mà bị hại đã nợ của bị cáo trước đó. Do bị cáo không có mục đích chiếm đoạt tiền của bị hại nên hành vi của bị cáo không đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản”, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để tuyên bố bị cáo Th không phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Bị cáo Th thống nhất như lời trình bày của người bào chữa, không có ý kiến tranh luận bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến tranh luận đối đáp: Hành vi của bị cáo Th uy hiếp và không cho bị hại Diễm K ra về, buộc ông Hồ H phải mang tiền tới trả cho bị cáo; do lo sợ cho bà K ông H đã phải mang số tiền 10.000.000 đồng đến

giao cho Th. Hành vi của Th đã hội đủ các yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát bảo lưu quan điểm giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận và lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung: Khoảng tháng 12/2017, ông Hồ H có vay của Phạm Th số tiền 15.000.000 đồng, Thế yêu cầu ông H trả nợ nhiều lần nhưng ông H không trả được và nhiều lần khát nợ nên ngày 20/8/2018, Phạm Th và Phan M có hành vi bắt giữ ông Hồ H tại quán cà phê Th. A (địa chỉ: Số 4A khu phố B. Đ, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương) trong khoảng thời gian từ 08 giờ ngày 20/8/2018 đến 10 giờ ngày 21/8/2018. Do ông H vẫn chưa trả hết tiền vay nên ngày 14/9/2018, tại quán cà phê C (địa chỉ: địa chỉ 27A đường Nguyễn Tr. P, khu phố B. Đ, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương) Phạm Th có hành vi bắt giữ người trái pháp luật đối với bà Diễm K (là vợ của ông Hồ H). Sau đó, Th đưa bà K về quán cà phê Th. A và yêu cầu Nguyễn V, Trần D thay nhau giữ bà K trong khoảng thời gian từ 16 giờ ngày 14/9/2018 đến 21 giờ ngày 15/9/2018 nhằm buộc ông H trả nợ hoặc bà Diễm K phải chuyển nhượng Công ty Dịch vụ bảo vệ Đ. Th. L. do bà K. đứng tên sang cho Phạm Th. Do lo sợ nên ông Hồ H phải mang số tiền 10.000.000 đồng đến đưa cho Phạm Th, đồng thời trình báo sự việc với cơ quan Công an thị xã D để bắt quả tang.

[2] Hành vi của Phạm Th bắt giữ các bị hại H, K tại quán cà phê Th. A trái với ý muốn của họ là hành vi bắt giữ người trái quy định của pháp luật. Phạm Th còn dùng thủ đoạn giữ bà Diễm K, uy hiếp tinh thần của ông Hồ H, buộc ông H phải trả ngay số tiền nợ hoặc phải chuyển nhượng Công ty Dịch vụ bảo vệ Đ. Th. L cho bị cáo đứng tên, do lo sợ bà K không được thả ra, ông H phải giao cho bị cáo Th số tiền 10.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” với tình tiết định khung theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận việc bắt, giữ bà K, ông H là trái quy định pháp luật nhưng cho rằng bị cáo không phạm tội cưỡng đoạt tài sản mà hành vi của bị cáo chỉ là yêu cầu ông H, bà K phải trả tiền nợ trước đó đã vay của bị cáo. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo không phạm tội cưỡng đoạt tài sản.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Phạm Th là người có đầy đủ năng lực nhận thức, nhận thức được quyền tự do về thân thể của công dân được Hiến pháp và Pháp luật bảo vệ nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi bắt giữ ông Hồ H, bà Diễm K trái với ý muốn của họ. Đồng thời, Phạm Th có hành vi dùng thủ đoạn

bắt giữ bà Diễm K để buộc ông Hồ H phải trả tiền trong một khoảng thời gian nhất định, cụ thể là ông H đã giao cho Th số tiền 10.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về các tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và “Cưỡng đoạt tài sản” là đúng quy định pháp luật, bị cáo kháng cáo cho rằng không phạm tội cưỡng đoạt tài sản là không có cơ sở. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo Tòa án cấp sơ thẩm quyết định mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù về tội ‘Bắt giữ người trái pháp luật’ là không nặng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Trình bày của người bào chữa cho bị cáo là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phạm Th phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Th; giữ nguyên quyết định của Bản án Hình sự sơ thẩm số 148/2019/HS-ST ngày 28/5/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương về tội danh và hình phạt đối với bị cáo.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 157, khoản 1 Điều 170, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt:

Bị cáo Phạm Th 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội bị cáo Phạm Th phải chấp hành là 03 (ba) năm 08 (tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 15/9/2018 đến ngày 17/10/2018.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Phạm Th phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thị xã Dĩ An;
- VKSND thị xã Dĩ An ;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An ;
- Phòng PV06 - Công an tỉnh BD;
- Công an thị xã Dĩ An ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo;
- Lưu: Tổ HCTP, HSVA, Tòa HS.

1
2
1
1
1
1
1
1
3

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Sang